

Số: 2153/BC-GDDT

Cần Giờ, ngày 30 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Tổng kết Đề án dạy và học ngoại ngữ
trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025

PHẦN THỨ NHẤT

Bối cảnh quốc tế, trong nước và công tác triển khai thực hiện đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC

Cần Giờ là huyện ven biển, nằm về phía Đông Nam Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm huyện là thị trấn Cần Thạnh, cách trung tâm Thành phố khoảng 50 km theo đường chim bay, chiều dài từ Bắc xuống Nam của huyện là 35km, từ Đông sang Tây là 30km, có hơn 20km bờ biển chạy dài theo hướng Tây Nam-Đông Bắc, có các cửa sông lớn của các con sông Lòng Tàu, Cái Mép, Gò Gia, Thị Vải, Soài Rạp, Đồng Tranh. Tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện là 70.445,34ha (đã bao gồm diện tích khu Gò Gia), chiếm 1/3 tổng diện tích toàn Thành phố.

Cần Giờ là địa phương có số hộ và tỷ lệ hộ nghèo cao nhất trong các quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài thiếu hụt chiều thu nhập, người nghèo ở huyện còn thiếu hụt một số chiều nghèo về dịch vụ xã hội cơ bản như: bảo hiểm xã hội, nhà ở.

Tuy nhiên, ngành giáo dục và đào tạo huyện được sự quan tâm của các sở, ngành Thành phố, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, các cơ sở giáo dục được đầu tư xây dựng khang trang hướng đến xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Đây là điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trong giai đoạn 2017-2025.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN GIAI ĐOẠN 2017-2025

1. Công tác chỉ đạo của Ban Chỉ đạo ở Trung ương (Bộ GDĐT, Sở GDĐT)

Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025.

2. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án tại bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương và cơ sở giáo dục đại học trong toàn quốc

Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn

2017-2025.

3. Đánh giá kết quả đạt được

- Điểm mạnh: Ngành giáo dục và đào tạo Cần Giờ nghiêm túc triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 – 2025. Cụ thể, triển khai đến các trường mầm non Chương trình Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, triển khai đến các trường phổ thông thực hiện Chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1, lớp 2 và Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh theo quy định và các mô hình ngoại ngữ khác như tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài, tham gia dự thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: không.

- Đề xuất/kiến nghị: không.

PHẦN THỨ HAI

Kết quả thực hiện thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

1. Kết quả thực hiện mục chung

- Đảm bảo đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Kết quả 100% học sinh tiểu học và trung học cơ sở đều được học tiếng Anh (trừ những học sinh khuyết tật học hòa nhập), 11/11 trường mầm non có triển khai Chương trình Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai được ngoại ngữ khác (tiếng Nhật) ở cấp trung học cơ sở từ năm học 2023-2024.

- Số học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu học tập ngoại ngữ trong giai đoạn từ 2017-2025.

- Triển khai phong trào học tiếng Anh, xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với giáo dục mầm non:

Hiện có 1115/2381 trẻ mẫu giáo, tỉ lệ 46,83%, tham gia Chương trình Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Đối với giáo dục phổ thông:

- Triển khai thực hiện Chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1, lớp 2 và Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh từ lớp 3.

- Có 7279/7414 học sinh từ lớp 3 đến lớp 9, tỉ lệ 98.18%, được học Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh và có 43 học sinh được học ngoại ngữ khác.

2.3. Đối với giáo dục nghề nghiệp

2.4. Đối với giáo dục thường xuyên

3. Đánh giá

3.1. Điểm mạnh/thành tích đạt được

46,83% trẻ mẫu giáo được tham gia Chương trình Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh từ lớp 3 đến lớp 9 cho tất cả học sinh trên địa bàn huyện.

Triển khai được các mô hình ngoại ngữ khác như tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài, tham gia dự thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Đến thời điểm hiện tại, có 52.47% học sinh từ lớp 3 đến lớp 9 chứng chỉ tiếng Anh chuẩn quốc tế.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Không.

3.3. Đề xuất, kiến nghị: không

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về ban hành và triển khai chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ

1.1. Kết quả đạt được

- Đối với mầm non: triển khai Chương trình Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quyết định phê duyệt tài liệu làm quen tiếng Anh của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn huyện.

- Đối với cơ sở giáo dục phổ thông: tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; triển khai Chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1, lớp 2 theo nguyện vọng của cha mẹ học sinh.

1.2. Đánh giá

1.2.1. Điểm mạnh/thành tích đạt được

Triển khai đầy đủ các văn bản liên quan chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ đến các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trọng hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025.

1.2.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Không.

1.2.4. Đề xuất, kiến nghị: không.

2. Về đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế, tăng cường năng lực khảo thí ngoại ngữ của quốc gia

2.1. Kết quả đạt được

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá trẻ học Chương trình Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; học sinh lớp 1, lớp 2 Chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1, lớp 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Tham gia các đợt khảo sát trực tuyến về năng lực ngoại ngữ do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Hướng dẫn các trường tiểu học và trung học cơ sở tổ chức ôn tập cho những học sinh dự thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

2.2. Đánh giá

2.2.1. Điểm mạnh/thành tích đạt được

Đảm bảo thực hiện đúng quy định về đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế.

2.2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Không.

2.2.3. Đề xuất, kiến nghị: không.

3. Về phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng

3.1. Kết quả đạt được

- Triển khai Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Tham gia tuyển dụng giáo viên ngoại ngữ bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để triển khai dạy ngoại ngữ theo các cấp học và trình độ đào tạo bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

- Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực sư phạm, đặc biệt là năng lực ứng

dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ cho giáo viên ngoại ngữ, giáo viên dạy các môn khoa học bằng ngoại ngữ, ưu tiên việc bồi dưỡng đối với giáo viên tiếng Anh cấp tiểu học.

3.2. Đánh giá

3.2.1. Điểm mạnh/thành tích đạt được

Đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo quy định.

3.2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ chưa đạt theo quy định. Việc học tập nâng cao trình độ mất nhiều thời gian cho việc đi lại do đường xa.

3.2.3. Đề xuất, kiến nghị: có các lớp nâng cao năng lực ngoại ngữ tại Cần Giờ.

4. Về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ

4.1. Kết quả đạt được

- Phát triển hệ thống học liệu số trực tuyến, tạo sự bình đẳng về cơ hội tiếp cận các chương trình ngoại ngữ chất lượng cao cho mọi đối tượng.

- Tăng cường trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ.

4.2. Đánh giá

4.2.1. Điểm mạnh/thành tích đạt được

Đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đảm bảo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục.

4.2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Không.

4.2.3. Đề xuất, kiến nghị: không.

5. Về đẩy mạnh công tác truyền thông, hợp tác quốc tế, xây dựng môi trường dạy và học ngoại ngữ

5.1. Kết quả đạt được

Tăng cường công tác truyền thông về việc dạy và học ngoại ngữ trên website các cơ sở giáo dục và các hoạt động thực hành tiếng Anh như các hội thi tiếng Anh hàng năm trên website ngành giáo dục và đào tạo.

5.2. Đánh giá

5.2.1. Điểm mạnh/thành tích đạt được

Công tác truyền thông, hợp tác quốc tế, xây dựng môi trường dạy và học ngoại ngữ được đảm bảo.

5.2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Không.

5.2.3. Đề xuất, kiến nghị: không.

6. Việc ban hành các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến việc dạy và học ngoại ngữ

6.1. Kết quả đạt được

- Triển khai các quy định về cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến việc dạy và học ngoại ngữ đến các cơ sở giáo dục.

6.2. Đánh giá

6.2.1. Điểm mạnh/Thành tích đạt được

Đảm bảo triển khai đầy đủ các quy định về cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến việc dạy và học ngoại ngữ đến các cơ sở giáo dục.

6.2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Không.

6.2.3. Đề xuất, kiến nghị: không.

7. Về việc đẩy mạnh xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ

7.1. Kết quả đạt được

Có 3665/11910 trẻ mẫu giáo và học sinh từ lớp 1 đến lớp 9, tỉ lệ 30.77%, được cha mẹ đồng ý tham gia và đóng góp các mô hình ngoại ngữ theo kế hoạch thực hiện chương trình nhà trường của các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Các cơ sở giáo dục được tài trợ kinh phí để tổ chức khen thưởng những học sinh có thành tích học tập ngoại ngữ xuất sắc và kinh phí tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động thực hành tiếng Anh do Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

7.2. Đánh giá

7.2.1. Điểm mạnh/Thành tích đạt được

Công tác xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ ngày càng được quan tâm hơn.

7.2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Không.

7.2.3. Đề xuất, kiến nghị: không.

8. Về nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án

8.1. Kết quả đạt được

Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất việc triển khai thực hiện các mô hình ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện.

8.2. Đánh giá

8.2.1. Điểm mạnh/Thành tích đạt được

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án được đảm bảo thực hiện.

8.2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Không.

8.2.3. Đề xuất, kiến nghị: không.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thành tựu

Đã triển khai được Chương trình Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo theo quy định của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại 100% cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn huyện.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh từ lớp 1, lớp 2 (Chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1, lớp 2) đến lớp 9.

Tổ chức được ngoại ngữ khác trong trường trung học cơ sở, hướng đến các trường tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục đổi mới kiểm tra, đánh giá năng lực người học ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức cho học sinh có nguyện vọng dự thi các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và tham gia các đợt khảo sát năng lực ngoại ngữ do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Đến thời điểm hiện tại, có 52.47% học sinh từ lớp 3 đến lớp 9 chứng chỉ tiếng Anh chuẩn quốc tế.

Chất lượng đội ngũ giáo viên 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo và có tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ chưa đạt theo quy định.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được (nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan)

Không.

3.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan)

Nguyên nhân khách quan: việc học tập nâng cao trình độ mất nhiều thời gian cho việc đi lại do đường xa.

Nguyên nhân chủ quan: một số giáo viên còn ngại khó, nhất là giáo viên lớn tuổi, chưa thực sự quan tâm việc nâng cao năng lực ngoại ngữ.

4. Đề xuất/kiến nghị: không.

IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Công tác truyền thông có vai trò quan trọng trong việc triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025.

- Công tác triển khai, quán triệt các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện đến các cơ sở giáo dục cần được quan tâm thực hiện;

- Luôn luôn có những giải pháp kịp thời cho những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025.

- Tập trung vào hiệu quả dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường, đảm bảo năng lực sử dụng ngoại ngữ sau khi kết thúc chương trình, khóa học.

PHẦN THỨ BA

Giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trong giai đoạn tới

I. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy ngoại ngữ, đảm bảo trình độ đào tạo, có năng lực ngoại ngữ theo quy định; quan tâm đến đội ngũ quản lý giáo dục;

Tập trung vào hiệu quả dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường, đảm bảo năng lực sử dụng ngoại ngữ sau khi kết thúc chương trình, khóa học.

Có giải pháp thay thế việc học Chương trình giáo dục phổ thông bằng các chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp từng cấp học do các đơn vị khảo thí có uy tín tổ chức thi và cấp chứng chỉ.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (đối với Chính phủ, Bộ ngành, địa phương, cơ sở giáo dục...)

Không.

Trên đây là báo cáo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về Kết quả thực hiện thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Phòng GDĐT: TP, các PTP, các tổ CMNV;
- Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, PL.

TRƯỞNG PHÒNG



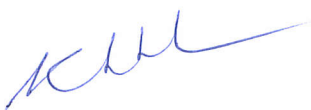
Võ Thị Diễm Phượng

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ

BIỂU 1: SỐ LƯỢNG TRƯỜNG, TRẺ MẦM NON LÀM QUEN TIẾNG ANH
GIAI ĐOẠN 2017-2025

Năm	Tổng số trường mầm non	Số trường mầm non triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	Tổng số trẻ mẫu giáo	Số trẻ mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	Số giáo viên tham gia cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh
2018	12	7	1417	736	7
2019	11	6	1398	602	6
2020	11	6	1711	594	6
2021	11	2	2303	165	2
2022	11	10	2873	508	10
2023	11	10	2327	854	10
2024	11	11	2381	1115	11

Người lập



Nguyễn Phi Long

Cần Giờ, ngày 30 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



Võ Thị Diễm Phượng

Ngoại ngữ	Các cấp học	Năm	Tổng số giáo viên		Theo trình độ đào tạo						Theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam						Số lượng giáo viên cốt cán môn ngoại ngữ (quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT)	
			Số giáo viên ngoại ngữ hiện có	Số giáo viên thiếu	Tiến sĩ (TS)	Thạc sĩ (ThS)	Cử nhân trình độ đại học (DH)	Cử nhân trình độ cao đẳng (CD)	Giáo viên chưa đạt trình độ bậc 3 và tương đương	Giáo viên đạt trình độ bậc 3 và tương đương	Giáo viên đạt trình độ bậc 4 và tương đương	Giáo viên đạt trình độ bậc 5 và tương đương	Giáo viên đạt trình độ bậc 6 và tương đương	Số lượng khác				
NGOẠI NGỮ KHÁC	TIÊU HỌC	2018	0															
		2019	0															
		2020	0															
		2021	0															
		2022	0															
	TRUNG HỌC CƠ SỞ	2023	0															
		2024	0															
		2019	0															
		2020	0															
		2021	0															
		2022	0															
		2023	0															
		2024	0															

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên, số điện thoại)

[Signature]

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)



Nguyễn Phi Long

0908599375

**BIỂU 5: SỐ LƯỢNG TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH HỌC TIẾNG ANH
GIAI ĐOẠN 2017-2025**

Năm	Các cấp học	Lớp	Tổng số trường	Tổng số lớp	Chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1, 2		Chương trình TA hệ 7 năm		Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh		Chương trình khác	
					Tổng số học sinh	Số học sinh học tiếng Anh	Tổng số học sinh	Số học sinh học tiếng Anh	Tổng số học sinh	Số học sinh học tiếng Anh	Tổng số học sinh	Số học sinh học tiếng Anh
2018	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	48	1439	1373					1439	519
		Lớp 2		40	1175	1153					1175	414
		Lớp 3		39			999	981	0	0	999	52
		Lớp 4		44			1291	1281	0	0	1291	68
		Lớp 5		41			1206	1202	0	0	1206	72
	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 6	8	30			1004	1004	0	0	1004	85
		Lớp 7		30			970	970	0	0	970	70
		Lớp 8		32			1031	1031	0	0	1031	73
		Lớp 9		34			1011	1011	0	0	1011	75
		Lớp 1		42	1152	1117					1152	417
2019	Cấp Tiểu học	Lớp 2	16	47	1394	1373					1394	510
		Lớp 3		41			1172	1160	0	0	1172	319
		Lớp 4		37			994	976	0	0	994	48
		Lớp 5		44			1283	1277	0	0	1283	68
		Lớp 6		34			1187	1187			1187	90
	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 7	8	31			1147	1147			1147	85
		Lớp 8		31			1069	1069			1069	70
		Lớp 9		35			1125	1125			1125	73

Năm	Các cấp học	Lớp	Tổng số trường	Tổng số lớp	Chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1, 2		Chương trình TA hệ 7 năm		Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh		Chương trình khác	
					Tổng số học sinh	Số học sinh học tiếng Anh	Tổng số học sinh	Số học sinh học tiếng Anh	Tổng số học sinh	Số học sinh học tiếng Anh	Tổng số học sinh	Số học sinh học tiếng Anh
2020	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	40	1089	1053					1089	233
		Lớp 2		41	1124	1099					1124	415
		Lớp 3		49			1390	1372			1390	375
		Lớp 4		41			1174	1164			1174	258
		Lớp 5		36			982	967			982	48
	Lớp 6	36			1285	1285			1285	193		
	Lớp 7	32	8				1145	1145			1145	111
	Lớp 8	32				1120	1120			1120	111	
	Lớp 9	30				1022	1022			1022	100	
Lớp 1	42			1092	1018					1092	220	
Lớp 2	40	16			1048	981					1048	159
Lớp 3	41						1117	1096			1117	413
Lớp 4	48						1367	1352			1367	290
Lớp 5	41						1160	1155			1160	259
Lớp 6	30								954	954	954	38
Lớp 7	34	8					1224	1224			1224	75
Lớp 8	32						1112	1112			1112	42
Lớp 9	32						1053	1053			1053	44
Lớp 1	41	16			1062	1046					1062	287
Lớp 2	41				1025	1019					1025	282
Lớp 3	39								1032	1030	1030	217
Lớp 4	42						1100	1089			1100	332
Lớp 5	48						1354	1349			1354	250
Lớp 6	33	8							1163	1163	1163	161
Lớp 7	30								929	929	929	38
Lớp 8	33						1203	1203			1203	150
Lớp 9	31					1077	1077			1077	78	
2021	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	40	1089	1053					1089	233
		Lớp 2		41	1124	1099					1124	415
		Lớp 3		49			1390	1372			1390	375
		Lớp 4		41			1174	1164			1174	258
		Lớp 5		36			982	967			982	48
	Lớp 6	36			1285	1285			1285	193		
	Lớp 7	32	8				1145	1145			1145	111
	Lớp 8	32				1120	1120			1120	111	
	Lớp 9	30				1022	1022			1022	100	
Lớp 1	42				1092	1018					1092	220
Lớp 2	40	16			1048	981					1048	159
Lớp 3	41						1117	1096			1117	413
Lớp 4	48						1367	1352			1367	290
Lớp 5	41						1160	1155			1160	259
Lớp 6	30								954	954	954	38
Lớp 7	34	8					1224	1224			1224	75
Lớp 8	32						1112	1112			1112	42
Lớp 9	32						1053	1053			1053	44
Lớp 1	41	16			1062	1046					1062	287
Lớp 2	41				1025	1019					1025	282
Lớp 3	39								1032	1030	1030	217
Lớp 4	42						1100	1089			1100	332
Lớp 5	48						1354	1349			1354	250
Lớp 6	33	8							1163	1163	1163	161
Lớp 7	30								929	929	929	38
Lớp 8	33						1203	1203			1203	150
Lớp 9	31					1077	1077			1077	78	
2022	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	40	1089	1053					1089	233
		Lớp 2		41	1124	1099					1124	415
		Lớp 3		49			1390	1372			1390	375
		Lớp 4		41			1174	1164			1174	258
		Lớp 5		36			982	967			982	48
	Lớp 6	36			1285	1285			1285	193		
	Lớp 7	32	8				1145	1145			1145	111
	Lớp 8	32				1120	1120			1120	111	
	Lớp 9	30				1022	1022			1022	100	
Lớp 1	42				1092	1018					1092	220
Lớp 2	40	16			1048	981					1048	159
Lớp 3	41						1117	1096			1117	413
Lớp 4	48						1367	1352			1367	290
Lớp 5	41						1160	1155			1160	259
Lớp 6	30								954	954	954	38
Lớp 7	34	8					1224	1224			1224	75
Lớp 8	32						1112	1112			1112	42
Lớp 9	32						1053	1053			1053	44
Lớp 1	41	16			1062	1046					1062	287
Lớp 2	41				1025	1019					1025	282
Lớp 3	39								1032	1030	1030	217
Lớp 4	42						1100	1089			1100	332
Lớp 5	48						1354	1349			1354	250
Lớp 6	33	8							1163	1163	1163	161
Lớp 7	30								929	929	929	38
Lớp 8	33						1203	1203			1203	150
Lớp 9	31					1077	1077			1077	78	

**BIỂU 6: SỐ LƯỢNG TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH HỌC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHÁC
GIAI ĐOẠN 2017-2025**

Năm	Các cấp học	Lớp	Tổng số trường	Tổng số lớp	Chương trình dạy tích hợp tiếng Anh trong một số môn học			Chương trình dạy một số môn học khác bằng tiếng Anh	
					Tổng số học sinh	Số học sinh học chương trình	Tổng số học sinh	Số học sinh học chương trình	
2018	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	48	1439	0	1439	0	
		Lớp 2		40	1175	0	1175	0	
		Lớp 3		39	999	0	999	0	
		Lớp 4		44	1291	0	1291	0	
		Lớp 5		41	1206	0	1206	0	
		Lớp 6		30	1004	0	1004	0	
	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 7	8	30	970	0	970	0	
		Lớp 8		32	1031	0	1031	0	
		Lớp 9		34	1011	0	1011	0	
		Lớp 1		42	1152	0	1152	0	
		Lớp 2		47	1394	0	1394	0	
		Lớp 3		41	1172	0	1172	0	
2019	Cấp Tiểu học	Lớp 4	16	37	994	0	994	0	
		Lớp 5		44	1283	0	1283	0	
		Lớp 6		34	1187	0	1187	0	
		Lớp 7		31	1147	0	1147	0	
		Lớp 8		31	1069	0	1069	0	
	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 9	8	35	1125	0	1125	0	

Năm	Các cấp học	Lớp	Tổng số trường	Tổng số lớp	Chương trình dạy tích hợp tiếng Anh trong một số môn học		Chương trình dạy một số môn học khác bằng tiếng Anh	
					Tổng số học sinh	Số học sinh học chương trình	Tổng số học sinh	Số học sinh học chương trình
2020	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	40	1089	0	1089	0
		Lớp 2		41	1124	0	1124	0
		Lớp 3		49	1390	0	1390	0
		Lớp 4		41	1174	0	1174	0
		Lớp 5		36	982	0	982	0
2021	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 6	8	36	1285	0	1285	0
		Lớp 7		32	1145	0	1145	0
		Lớp 8		32	1120	0	1120	0
		Lớp 9		30	1022	0	1022	0
		Lớp 1		42	1092	0	1092	0
2022	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	40	1048	0	1048	0
		Lớp 2		41	1117	0	1117	0
		Lớp 3		48	1367	0	1367	0
		Lớp 4		41	1160	0	1160	0
		Lớp 5		30	954	0	954	0
2023	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 6	8	34	1224	0	1224	0
		Lớp 7		32	1112	0	1112	0
		Lớp 8		32	1053	0	1053	0
		Lớp 9		41	1062	0	1062	0
		Lớp 1		41	1025	0	1025	0
2024	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	39	1030	0	1030	0
		Lớp 2		42	1100	0	1100	0
		Lớp 3		48	1354	0	1354	0
		Lớp 4		33	1163	0	1163	0
		Lớp 5		30	929	0	929	0
2025	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 6	8	33	1203	0	1203	0
		Lớp 7		33	1203	0	1203	0
		Lớp 8		31	1077	0	1077	0
		Lớp 9		41	1062	0	1062	0
		Lớp 1		41	1025	0	1025	0

Năm	Các cấp học	Lớp	Tổng số trường	Tổng số lớp	Chương trình dạy tích hợp tiếng Anh trong một số môn học			Chương trình dạy một số môn học khác bằng tiếng Anh		
					Tổng số học sinh	Số học sinh học chương trình	Số học sinh học khác bằng tiếng Anh	Tổng số học sinh	Số học sinh học chương trình	Số học sinh học khác bằng tiếng Anh
2023	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	41	1034	0	1034	0	0	
		Lớp 2		41	1024	0	1024	0	0	
		Lớp 3		38	1031	0	1031	0	0	
		Lớp 4		40	1037	0	1037	0	0	
	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 5	8	43	1100	0	1100	0	0	
		Lớp 6		35	1355	0	1355	0	0	
		Lớp 7		33	1143	0	1143	0	0	
		Lớp 8		29	904	0	904	0	0	
		Lớp 9		33	1162	0	1162	0	0	
2024	Cấp Tiểu học	Lớp 1	16	42	1107	0	1107	0	0	
		Lớp 2		41	1008	0	1008	0	0	
		Lớp 3		39	1015	0	1015	0	0	
		Lớp 4		37	1023	0	1023	0	0	
	Cấp Trung học cơ sở	Lớp 5	8	40	1032	0	1032	0	0	
		Lớp 6		30	1064	0	1064	0	0	
		Lớp 7		35	1285	0	1285	0	0	
		Lớp 8		30	1069	0	1069	0	0	
		Lớp 9		27	926	0	926	0	0	

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên, số điện thoại)

(Handwritten signature)

Nguyễn Phi Long

Chủ trường đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



(Handwritten signature)
Thị Diễm Phương

BIỂU 7: SỐ LƯỢNG TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, HỌC VIỆN HỌC CÁC NGOẠI NGỮ
GIAI ĐOẠN 2017-2025

Năm	Số lượng trung tâm ngoại ngữ	Số lượng học viên học các ngoại ngữ							
		Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Đức	Ng ngoại ngữ khác
2018	1	1576							
2019	0	0							
2020	0	0							
2021	2	1658							
2022	2	2313							
2023	2	2529				91			
2024	4	2784				43			

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên, số điện thoại)

Nguyễn Phi Long

Võ Thị Diễm Phương

Số ngày 30 tháng 12 năm 2024
Thư trưởng đơn vị
(Ký và đóng dấu)

**BIỂU 8: SỐ LƯỢNG TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH HỌC CÁC NGOẠI NGỮ KHÁC
GIAI ĐOẠN 2017-2025**

Các cấp học	Năm	Nội dung	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Đức	Ngoại ngữ khác
Tiểu học	2018	Số trường							
		Số lớp							
		Số học sinh							
	2019	Số trường							
		Số lớp							
		Số học sinh							
	2020	Số trường							
		Số lớp							
		Số học sinh							
	2021	Số trường							
		Số lớp							
		Số học sinh							
2022	Số trường								
	Số lớp								
	Số học sinh								
2023	Số trường								
	Số lớp								
	Số học sinh								
2024	Số trường								
	Số lớp								
	Số học sinh								
2018	Số trường								
	Số lớp								
	Số học sinh								
2019	Số trường								
	Số lớp								

Các cấp học	Năm	Nội dung	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Đức	Ngoại ngữ khác
Trung học cơ sở		Số học sinh							
	2020	Số trường							
		Số lớp							
	2021	Số học sinh							
		Số trường							
	2022	Số lớp							
		Số học sinh							
	2023	Số trường					2		
		Số lớp					3		
	2024	Số học sinh					91		
		Số trường					2		
		Số lớp					2		
		Số học sinh					43		

Cần Giờ, ngày 27 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên, số điện thoại)



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Phi Long

Võ Thị Diễm Phương

